

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - HÀ NỘI

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 211, Điều 212; Điều 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 251/2026/TLST-HNGĐ ngày 17/03/2026 về vụ án Xin ly hôn và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/03/2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội.

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim T**, sinh ngày 05/05/1991; Căn cước công dân số 035191014386 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/11/2021; Đăng ký HKTT: **số G ngõ C X, phường T, TP Hà Nội**; Nơi ở: **số nhà B ngõ C A, phường T, thành phố Hà Nội**.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Quang H**, sinh ngày 20/12/1989; Căn cước công dân số 001089047062 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/05/2021; Đăng ký HKTT: **số G ngõ C X, phường T, TP Hà Nội**; Nơi ở: **Số 80a ngõ D, ngõ A L, phường T, TP Hà Nội**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Anh **Nguyễn Quang H** và chị **Nguyễn Thị Kim T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường Q, T thành phố Hà Nội** ngày 26/11/2011 số 64/2011 quyển số 01/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 03 năm 2026 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 251/2026/TLST-HNGĐ ngày 17/03/2026.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 03 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Nguyễn Quang H** và chị **Nguyễn Thị Kim T**.

- Về con chung: Anh **Nguyễn Quang H** và chị **Nguyễn Thị Kim T** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Bảo N**, sinh ngày 09/04/2013 và cháu **Nguyễn Hải N1**, sinh ngày 28/05/2017; Giao cháu **Nguyễn Bảo N** và cháu **Nguyễn Hải N1** cho chị **Nguyễn Thị Kim T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Nguyễn Quang H** có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 5.000.000 (Năm triệu) đồng/01 tháng/02 con, kể từ tháng 03/2026 đến khi 02 con chung **Nguyễn Bảo N** và **Nguyễn Hải N1** trưởng thành tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh **Nguyễn Quang H** có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản và nhà ở chung: Anh **Nguyễn Quang H** và chị **Nguyễn Thị Kim T** không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

- Về nợ chung: Anh **Nguyễn Quang H** và chị **Nguyễn Thị Kim T** không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị **Nguyễn Thị Kim T** chịu cả 150.000 đồng án phí giải quyết ly hôn. Chị **Nguyễn Thị Kim T** đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006275 ngày 17/03/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Hà Nội, chị **Nguyễn Thị Kim T** được hoàn lại số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhân:

- VKSND khu vực 1 – Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Tòa án ND TP. Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 1 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Vũ Thị Nguyệt
